

**CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ PHÁT TRIỂN PDT HÀ NỘI**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ PHÁT TRIỂN PDT HÀ NỘI

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0107933778

**3. Ngày thành lập:** 24/07/2017

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Liên kè 04/60 Khu đô thị Tân Tây Đô, Xã Tân Lập, Huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                            | Mã ngành    |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Thoát nước và xử lý nước thải                                                                                                        | 3700        |
| 2.  | Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ                                                                                            | 4210        |
| 3.  | Xây dựng nhà các loại                                                                                                                | 4100(Chính) |
| 4.  | Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác                                                                                    | 1621        |
| 5.  | Sản xuất đồ gỗ xây dựng                                                                                                              | 1622        |
| 6.  | Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác                                                                                                  | 4390        |
| 7.  | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng                                                                              | 4663        |
| 8.  | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ                                                                                                       | 4933        |
| 9.  | Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh                                              | 4772        |
| 10. | Đại lý, môi giới, đấu giá<br>Chi tiết: Đại lý                                                                                        | 4610        |
| 11. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh; | 8299        |
| 12. | Khai thác, xử lý và cung cấp nước                                                                                                    | 3600        |
| 13. | Xây dựng công trình công ích                                                                                                         | 4220        |
| 14. | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác                                                                                           | 4290        |
| 15. | Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh                                          | 4753        |

|     |                                                                                                                                                                                                                             |      |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 16. | Vận tải hành khách đường bộ khác<br>Chi tiết: - Vận tải hàng khách bằng xe khách nội tỉnh, liên tỉnh;<br><br>- Cho thuê xe có người lái để vận tải hành khách, hợp đồng chở khách đi tham quan, du lịch hoặc mục đích khác; | 4932 |
| 17. | Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác                                                                                                                                                                                         | 4511 |
| 18. | Bán lẻ ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống)                                                                                                                                                                                | 4512 |
| 19. | Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác                                                                                                                                                                              | 4520 |
| 20. | Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy                                                                                                                                                                                         | 4542 |
| 21. | Cho thuê xe có động cơ<br>Chi tiết: Cho thuê xe ô tô các loại                                                                                                                                                               | 7710 |
| 22. | Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác                                                                                                                                                          | 4530 |
| 23. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy                                                                                                                                                                   | 5222 |
| 24. | Bốc xếp hàng hóa                                                                                                                                                                                                            | 5224 |
| 25. | Đại lý ô tô và xe có động cơ khác                                                                                                                                                                                           | 4513 |
| 26. | Bán mô tô, xe máy                                                                                                                                                                                                           | 4541 |
| 27. | Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy                                                                                                                                                                       | 4543 |
| 28. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ                                                                                                                                                        | 5221 |
| 29. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải<br>Chi tiết: Dịch vụ đại lý tàu biển<br>Dịch vụ đại lý vận tải đường biển                                                                                               | 5229 |
| 30. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp                                                                                                                                                                      | 4653 |
| 31. | Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                   | 4742 |
| 32. | Chuẩn bị mặt bằng                                                                                                                                                                                                           | 4312 |
| 33. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác                                                                                                                                                                             | 4659 |
| 34. | Kho bãi và lưu giữ hàng hóa                                                                                                                                                                                                 | 5210 |
| 35. | Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác<br>Chi tiết: Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng<br>Cho thuê máy móc, thiết bị nông, lâm nghiệp                                                                         | 7730 |
| 36. | Bán buôn thực phẩm                                                                                                                                                                                                          | 4632 |
| 37. | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình                                                                                                                                                                                          | 4649 |
| 38. | Kiểm tra và phân tích kỹ thuật                                                                                                                                                                                              | 7120 |
| 39. | Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ                                                                                                                                                                                              | 1610 |
| 40. | Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện                                                                                                                                    | 1629 |
| 41. | Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế                                                                                                                                                                                               | 3100 |
| 42. | Phá dỡ                                                                                                                                                                                                                      | 4311 |

|     |                                                                                                                                                                         |      |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 43. | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                                                                          | 4330 |
| 44. | Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                    | 4752 |
| 45. | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh | 4759 |
| 46. | Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                  | 4741 |
| 47. | Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)                                                                                     | 4931 |

**6. Vốn điều lệ:** 1.000.000.000 VNĐ

### 7. Danh sách thành viên góp vốn:

| STT | Tên thành viên  | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức  | Giá trị vốn góp (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số CMND (hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác) đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-----------------|---------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | TRẦN MẠNH TUỜNG | Số 15 ngõ 176 phố Đông Tác, Phường Kim Liên, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | 490.000.000           | 49,000    | 026082000094                                                                                                                                      |         |
| 2   | HOÀNG THỊ THANH | Tổ 9 Trung Trắc, Phường Trung Trắc, Thị xã Phúc Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc, Việt Nam         | 510.000.000           | 51,000    | 026156000438                                                                                                                                      |         |

### 8. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: TRẦN MẠNH TUỜNG

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 23/03/1982

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 026082000094

Ngày cấp: 01/06/2017

Nơi cấp: Cục CS ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 15 ngõ 176 phố Đông Tác, Phường Kim Liên, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Số 15 ngõ 176 phố Đông Tác, Phường Kim Liên, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**9. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội